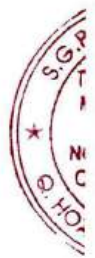


QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
đã được soát xét



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	14
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	17
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ giữa niên độ	20
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	22 - 23
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	24 - 51

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Quỹ”) được thành lập ngày 6 tháng 9 năm 2017 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ số 32/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 7 tháng 7 năm 2017. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 27/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 6 tháng 9 năm 2017, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 66.000.000.000 đồng, tương đương với 6.600.000 Chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 46.779.499.200 đồng, tương đương với 4.677.949,92 Chứng chỉ quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/thôi giữ chức vụ/miễn nhiệm
Bà Đồng Thị Khánh Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Ông Đào Kiên Trung	Chủ tịch	Thôi giữ chức vụ từ ngày 22 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thục Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên	Thôi giữ chức vụ từ ngày 22 tháng 4 năm 2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được quản lý bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 46/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Đức	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2025
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2025
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2022
Ông Trần Mạnh Tiến	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025
Bà Đào Thị Yến	Phụ trách kế toán	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Thông tin chung (tiếp theo)**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 18/7/2025 đến ngày lập báo cáo này là bà Bùi Thu Trang – Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty.

BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Ban Điều hành Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2023
Bà Vũ Thị Việt Hà	Phó Trưởng phòng Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 03 năm 2025

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát của Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA là công ty soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025 của Quỹ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ (sau đây được gọi tắt là “Ban Tổng Giám đốc”) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Phó Tổng Giám đốc



Bà Phan Hải Sâm

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến hết kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 2,76% so với giá trị cuối năm trước báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và sự ổn định bằng cách đầu tư ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Quỹ đầu tư chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết hoặc trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm:

- ▶ Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- ▶ Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- ▶ Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Việc đầu tư vào các tài sản là “Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành” phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ▶ Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMT Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- ▶ Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- ▶ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam là quỹ đại chúng dạng mở, có nghĩa vụ mua lại Chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng theo yêu cầu của nhà đầu tư.

1.5 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường các công cụ nợ có mức độ rủi ro thấp. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc đầu tư nhiều công cụ nợ khác nhau phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

1.6 Thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 27/GCN-UBCK vào ngày 6 tháng 9 năm 2017.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam là quỹ đại chúng dạng mở được Công ty Quản lý Quỹ quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

1.7 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 46.779.499.200 đồng, tương đương với 4.677.949,92 chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 68.342.915.463 đồng.

1.8 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo phương án đã được phê duyệt của Đại hội Nhà đầu tư và mức lợi nhuận do Ban Đại diện Quỹ quyết định và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Mỗi Nhà đầu tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch đơn vị Quỹ hoặc có văn bản gửi Công ty Quản lý Quỹ - Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng;

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ, bản cáo bạch;

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

1.9 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến 30 tháng 6 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG****2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Trái phiếu niêm yết	0,00%	15,51%
Trái phiếu chưa niêm yết	9,02%	9,59%
Chứng chỉ tiền gửi	83,93%	71,13%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	1,23%	0,91%
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	2,47%	0,62%
Các tài sản khác	3,35%	2,24%
	100,00%	100,00%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	<i>Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025</i>	<i>Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	68.342.915.463	61.414.149.604
Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	4.677.949,92	4.447.349,80
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	14.609,58	13.809,15
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.609,58	13.809,15
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.219,73	13.418,31
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ		
► Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
► Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ		-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ		-
		<i>Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)		1,57%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)		32,28%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

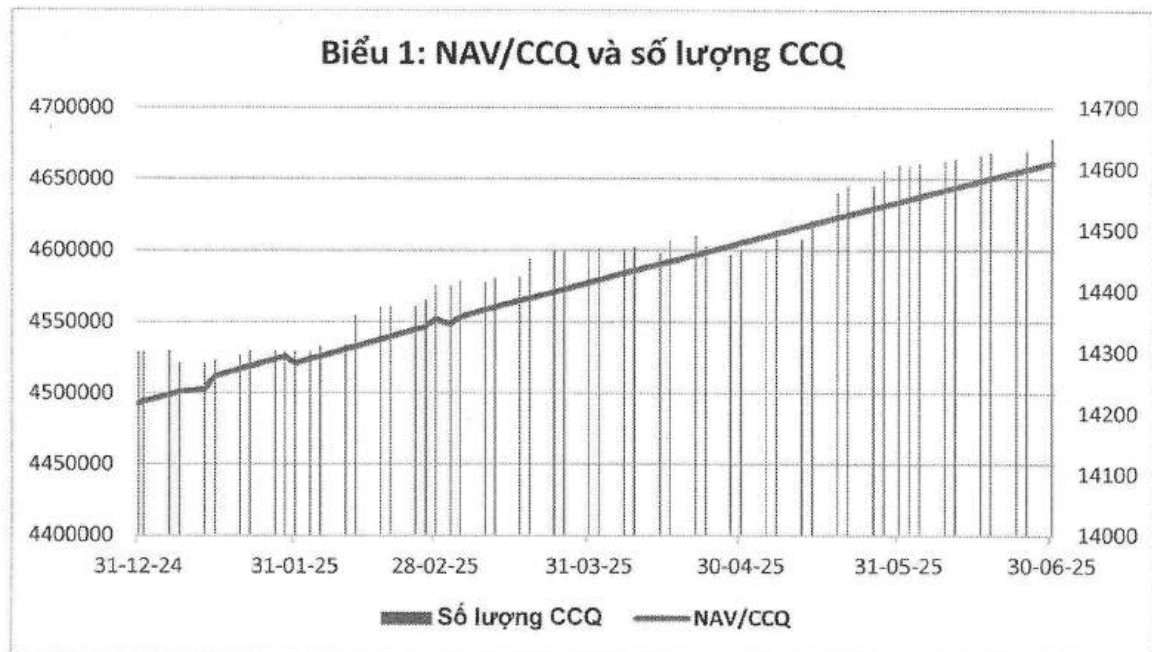
Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

<u>Giai đoạn</u>	<u>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</u>
Từ khi thành lập đến thời điểm lập báo cáo	46,10%

2.4 Tăng trưởng hàng kỳ

<u>Thời kỳ</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025</u>
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	2,76%

2.5 Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
1	Cổ tức, trái tức được nhận	414.110.652
2	Lãi được nhận	1.936.205.268
3	Lãi thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	(15.069)
4	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(33.432.876)
TỔNG		2.316.867.975

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: quỹ không phân phối lợi nhuận trong kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ, tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2025
		đến 30/6/2025
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,08%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,24%
4	Chi phí kiểm toán/soát xét trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,06%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,19%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,57%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	32,28%

2.6 Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	1.834.988.668	1.715.541.337
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	(33.432.876)	16.435.959
Lợi nhuận chưa phân phối	1.801.555.792	1.731.977.296

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**Tình hình kinh tế vĩ mô trong 06 tháng đầu năm 2025**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế xã hội nước ta trong 06 tháng đầu năm 2025 đã đạt được kết quả tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định và các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Tình hình kinh tế - xã hội nước ta trong 06 tháng đầu năm 2025 như sau:

- (1) GDP 6 tháng đầu năm 2025 tăng 7,52% so với cùng kỳ 2024, là mức cao nhất của 6 tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,84%, đóng góp 5,59%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,33%, đóng góp 42,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,14%, đóng góp 52,21%.
- (2) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2025 tăng 0,48% so với tháng 5/2025; tăng 2,02% so với tháng 12/2024; tăng 3,57% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý II/2025 tăng 3,31% so với quý II/2024. Bình quân sáu tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,27% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,16%.
- (3) Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2025 đạt 432,03 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó, xuất khẩu tăng 14,4%; nhập khẩu tăng 17,9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,63 tỷ USD.
- (4) Tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố đã tăng khoảng 2,9% trong 6 tháng đầu năm 2025, tương đương 713 đồng. Điều này diễn ra trong bối cảnh đồng USD trên thị trường quốc tế có xu hướng giảm. Mặc dù chỉ số DXY (đo lường sức mạnh của đồng USD) trên thị trường quốc tế có xu hướng giảm, tỷ giá USD/VND lại tăng. Điều này được cho là do nhiều yếu tố nội tại, bao gồm: Nhu cầu ngoại tệ tăng; Tâm lý "găm" ngoại tệ; Biến động kinh tế toàn cầu và chính sách tiền tệ.

Thị trường tiền tệ

- ▶ NHNN đã chủ động điều hành các công cụ chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường trong và ngoài nước và chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, góp phần ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD.
- ▶ Tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp để định hướng thị trường giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.
- ▶ Tỷ giá được điều hành linh hoạt, phù hợp, góp phần hấp thu các cú sốc bên ngoài và có diễn biến linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường; tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý nhà nước về thị trường vàng.
- ▶ Tính đến ngày 30/6/2025, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt hơn 17,2 triệu tỷ đồng, tăng 9,9% so với cuối năm 2024, tăng 19,32% so với cùng kỳ năm 2024. Tín dụng tiếp tục hướng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, các dự án, công trình trọng điểm, khả thi. Cơ cấu tín dụng phù hợp với cơ cấu của nền kinh tế và đáp ứng nhu cầu tín dụng của người dân và doanh nghiệp. Các chương trình tín dụng ưu đãi đều được ngành Ngân hàng triển khai quyết liệt.
- ▶ Trong 6 tháng đầu năm, NHNN cũng đã quyết liệt tổ chức thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu và tích cực xử lý các TCTD yếu kém. Nợ xấu được tập trung xử lý và kiểm soát trong bối cảnh nền kinh tế và sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

Thị trường trái phiếu

- ▶ Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, tổng giá trị phát hành TPDN ghi nhận đạt 218.831 tỷ VND, trong đó bao gồm 14 đợt phát hành ra công chúng trị giá 27.904 tỷ VND (chiếm 12,8% tổng giá trị phát hành) và 167 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 190.927 tỷ VND (chiếm 87,2%).
- ▶ Trái phiếu ngân hàng tiếp tục là động lực chính của thị trường, chiếm tới 76,3% tổng giá trị phát hành, tương đương 189,7 nghìn tỷ đồng. Điều này phản ánh nhu cầu tăng vốn cấp 2 của các ngân hàng thương mại để đáp ứng tăng trưởng tín dụng cao. Mặc dù tỷ trọng nhỏ hơn, trái phiếu bất động sản cũng có sự trở lại tích cực, chiếm khoảng 67,3% trong số 23,7% giá trị phát hành còn lại, đạt khoảng 39,6 nghìn tỷ đồng. Sự tháo gỡ pháp lý cho nhiều dự án đã giúp các doanh nghiệp bất động sản dễ dàng tiếp cận nguồn vốn hơn qua kênh trái phiếu.
- ▶ Theo Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), trong 6 tháng đầu năm 2025, tổng giá trị mua lại trái phiếu doanh nghiệp trước hạn tăng 42,7% so với cùng kỳ năm 2024. Điều này cho thấy nỗ lực của các tổ chức phát hành nhằm giảm nghĩa vụ nợ đến hạn trong bối cảnh tổng giá trị TPDN sẽ đáo hạn trong nửa cuối năm ước đạt 133.011 tỷ đồng.

Thị trường chứng khoán

- ▶ Chỉ số VN-Index chốt phiên 30/6/2025 ở mức 1.376,07 điểm, mức cao nhất trong hơn 3 năm (kể từ tháng 4/2022). Tính từ đầu năm, VN-Index đã tăng hơn 109 điểm, tương ứng 8,6%, đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường có mức tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới.
- ▶ Vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 7.689,68 nghìn tỷ đồng vào cuối tháng 6/2025, tương đương 66,8% GDP của năm 2024, tăng 7,2% so với cuối năm trước. Thanh khoản thị trường cũng được cải thiện đáng kể.
- ▶ Kỳ vọng nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi của FTSE Russell (dự kiến vào tháng 10/2025) là một động lực lớn, ước tính có thể thu hút khoảng 1 tỷ USD từ các quỹ ETF. Việc triển khai hệ thống giao dịch KRX cũng là một yếu tố được kỳ vọng sẽ hỗ trợ sự phát triển của thị trường.

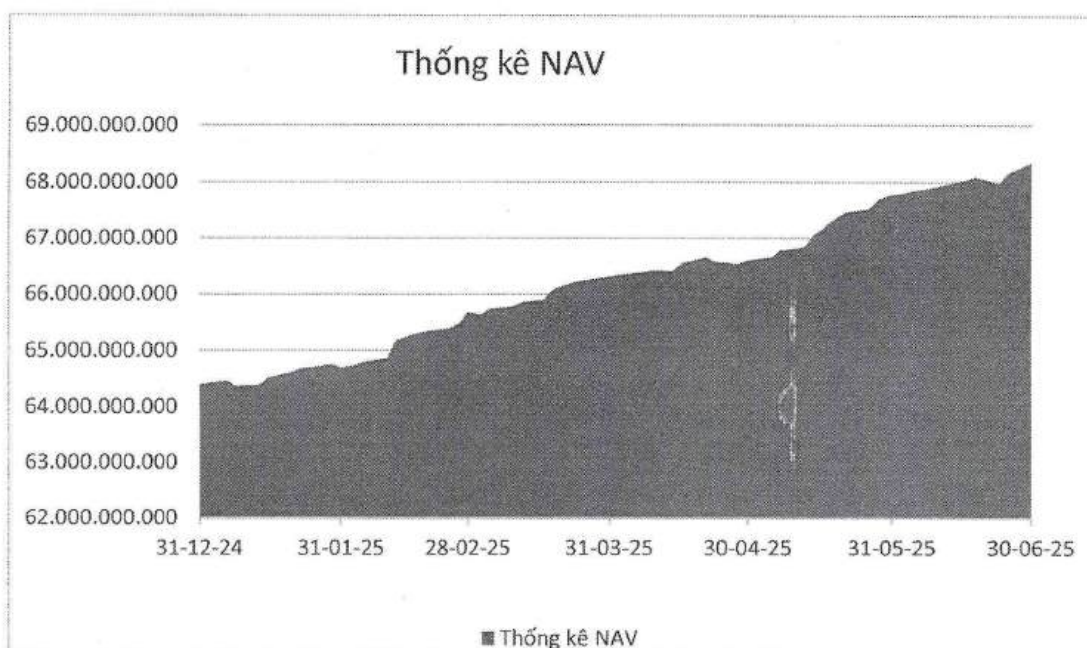
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ****4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ****Từ 01/01/2025****đến 30/6/2025****(%)**

Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	2,76%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025:

**Thay đổi giá trị tài sản ròng**

	Cuối kỳ	Đầu năm	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	68.342.915.463	64.394.904.150	6,13%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.609,58	14.217,41	2,76%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	674	191.136,63	4,09%
Từ 5.000 đến 10.000	12	80.873,75	1,73%
Từ 10.000 đến 50.000	4	93.425,05	2,00%
Từ 50.000 đến 500.000	1	156.289,89	3,34%
Trên 500.000	1	4.156.224,60	88,85%
Tổng cộng	692	4.677.949,92	100%

5. THÔNG TIN KHÁC

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“VietinBank Capital”) tại thời điểm lập báo cáo:

Bà Bùi Thu Trang

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Bà Bùi Thu Trang hiện giữ chức vụ Phó Giám đốc khối Tài Chính Vietinbank kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ VietinBank. Với kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường tài chính, bà Bùi Thu Trang từng đảm nhiệm các vị trí: Kiểm toán viên, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Cán bộ Phòng Kế hoạch & Hỗ trợ ALCO, Trụ sở chính Vietinbank; Cán bộ Phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch Tài chính, Trụ sở chính Vietinbank; Phó Phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch Tài chính, Trụ sở chính Vietinbank; Trưởng Phòng Kinh doanh vốn, Khối Kinh doanh vốn và Thị trường, Trụ sở chính Vietinbank; Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Trưởng Phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch Tài chính, Khối Tài chính, Trụ sở chính Vietinbank; Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch và Quản trị tài chính, Khối Tài chính, Trụ sở chính Vietinbank.

Bà Bùi Thu Trang tốt nghiệp cử nhân Đại học Ngoại thương Hà Nội; Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng tại Pháp.

Ông Nguyễn Hồng Đức

Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Quyền Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Đức hiện giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Quyền Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ VietinBank.

Với kinh nghiệm nhiều năm quản lý trong ngành Ngân hàng, ông Nguyễn Hồng Đức từng đảm nhiệm các vị trí: Trưởng phòng thanh toán quốc tế Ngân hàng Chifon; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Chifon Global - Chi nhánh Cambodia; Phó chủ tịch Ngân hàng CitiBank – Chi nhánh TP Hà Nội; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex; Đồng giám đốc Vietinbank – Chi nhánh Đức.

Ông Nguyễn Hồng Đức tốt nghiệp cử nhân Đại học Ngoại thương; Thạc sĩ Viện Công nghệ Châu Á

Ông Đoàn Ngọc Đoàn

Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Đoàn Ngọc Đoàn hiện giữ chức vụ Phó phòng Thị trường vốn VietinBank kiêm Thành viên HĐQT Công ty Quản lý quỹ VietinBank.

Ông Đoàn Ngọc Đoàn đã có kinh nghiệm nhiều năm làm việc tại Ngân hàng BIDV và VietinBank. Ông Đoàn Ngọc Đoàn đang giữ chức vụ Phó phòng Thị trường vốn VietinBank.

Ông Đoàn Ngọc Đoàn tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng Đại học Kinh tế quốc dân.

Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

Bà Phan Hải Sâm hiện giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ VietinBank.

Bà Phan Hải Sâm đã có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc tại VietinBank, đã trải qua nhiều vị trí quan trọng tại VietinBank và các Công ty con như: Phó phòng Thanh toán ngân quỹ, Phó phòng Chế độ kế toán VietinBank; Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam;

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Bà Phan Hải Sâm tốt nghiệp cử nhân, thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Tín dụng Học viện Ngân hàng. Bà đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

Ban Điều hành Quỹ tại thời điểm lập báo cáo:

Bà Phan Hải Sâm Bà Phan Hải Sâm hiện giữ Chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Quản lý quỹ VietinBank. Bà Sâm có 27 năm kinh nghiệm làm việc trong hệ thống VietinBank, đảm nhiệm các chức vụ như: Phó phòng thanh toán ngân quỹ - TSC VietinBank, Kế toán trưởng Công ty Chứng khoán VietinBank, Phó Tổng giám đốc Công ty Chứng khoán VietinBank.

Phó Tổng Giám đốc

Bà Sâm tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế Học viện Ngân hàng. Bà đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

Bà Vũ Thị Việt Hà Bà Vũ Thị Việt Hà hiện giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý Quỹ tại Công ty Quản lý Quỹ VietinBank. Bà có hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và quản lý quỹ, từng đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại các tổ chức như: Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), Ngân hàng TMCP Quốc Dân, cũng như các phòng ban chuyên môn của Công ty Quản lý Quỹ VietinBank, bao gồm Phòng Quản lý Tài sản, Phòng Đầu tư và Phòng Quản lý Danh mục đầu tư.

Phó Trưởng phòng Quản lý quỹ

Bà Vũ Thị Việt Hà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Quan hệ Quốc tế tại Học viện Quan hệ Quốc tế, hoàn thành Chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại California State University – East Bay (Hoa Kỳ) và có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Ban Đại diện Quỹ

Bà Đồng Thị Khánh Ngọc

Chủ tịch Ban Đại diện

Bà Đồng Thị Khánh Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại Thương, Thạc sỹ Tài chính Đại học Toulon (Pháp); Bà đã được UBCKNN cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

Bà Ngọc đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trải qua nhiều vị trí công việc khác nhau tại các đơn vị như: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Bắc Hà Nội; Công ty TNHH KPMG; Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN; CTCP Chứng khoán Kỹ Thương; CTCP Quản lý quỹ Kỹ Thương.

Bà Ngọc từng giữ chức vụ Trưởng phòng Phân tích và Đầu tư - CTCP Quản lý quỹ Kỹ Thương trong 5 năm và hiện nay đang là Giám đốc cao cấp giải pháp tài chính – CTCP Quản lý quỹ Kỹ Thương.

Bà Nguyễn Thục Anh

Thành viên Ban Đại diện

Bà Nguyễn Thục Anh tốt nghiệp Cử nhân Quản trị kinh doanh Đại học Ngoại Thương, Thạc sỹ Tài chính hệ liên kết Trường Đại học Troy – Trường ĐH Kinh tế - Trường ĐH Quốc gia Việt Nam. Bà đã được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng.

Bà Thục Anh đã trải qua các vị trí công việc như: Chuyên viên – CTCP Quản lý quỹ Đầu tư FPT; Bà có gần 10 năm công tác tại Khối Tài chính Kế hoạch – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN và từng đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Kỹ Thương.

Bà Nguyễn Thị Hạnh

Thành viên Ban Đại diện

Bà là cử nhân ngành Luật quốc tế và thạc sỹ Luật kinh tế Trường Đại học Luật Hà Nội. Bà cũng hoàn thành khóa đào tạo hành nghề Luật sư tại Học viện Tư pháp.

Từ năm 2012 đến nay, bà Nguyễn Thị Hạnh đã trải qua nhiều vị trí và có nhiều năm kinh nghiệm tư vấn pháp lý tại các Công ty như: Công ty TNHH tư vấn Hoàng Gia – CN Hà Nội, Công ty CP xây dựng thương mại và khoáng sản Hoàng Phúc, Công ty cổ phần Bất động sản thể kỷ, Công ty TNHH MTV quản lý quỹ VietinBank, Công ty Luật Minh Lang và cộng sự.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Phó Tổng Giám đốc



Bà Phan Hải Sâm

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Sau đây gọi là “Quỹ”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.
- b) Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hồng

Số: 23.06.1.1/25/BCSX/NVA.CNHN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Nhà đầu tư

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 17 đến trang 51, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 3 năm 2025 và kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 12 tháng 8 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 3407-2025-152-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

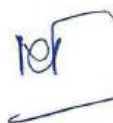
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	1		2.316.867.975	2.214.666.842
1.1. Cổ tức được nhận	2	5	414.110.652	618.465.740
1.2. Tiền lãi được nhận	3	5	1.936.205.268	1.578.515.797
1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	4	6	(15.069)	1.249.346
1.4. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5		(33.432.876)	16.435.959
II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10	7	400.000	300.000
2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11		400.000	300.000
2.5. Chi phí đầu tư khác	15		-	-
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20	8	514.912.183	482.389.546
3.1. Phí quản lý Quỹ mở	20.1		328.564.809	299.551.053
3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	20.2		19.758.289	18.082.264
3.3. Phí dịch vụ giám sát	20.3		7.228.425	6.590.123
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4		10.842.640	9.885.186
3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	20.5		67.100.000	67.100.000
3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	20.7		-	-
3.8. Chi phí kiểm toán	20.8		19.835.609	26.046.904
3.10. Chi phí hoạt động khác	20.10		61.582.411	55.134.016
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	23		1.801.555.792	1.731.977.296
VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	30		1.801.555.792	1.731.977.296
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	31		1.834.988.668	1.715.541.337
6.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	32		(33.432.876)	16.435.959
VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN	40		-	-
VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	41		1.801.555.792	1.731.977.296

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025



Bà Lê Thị Thúy
Kế toán



Ông Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán




Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
I. Tài sản				
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	110	9	840.407.628	587.474.101
1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	111		840.407.628	287.474.101
1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112		-	300.000.000
2. Các khoản đầu tư thuần	120	10	65.600.000.000	62.633.447.945
2.1. Các khoản đầu tư	121		65.600.000.000	62.633.447.945
3. Các khoản phải thu	130	11	2.307.472.603	1.447.817.259
3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		2.307.472.603	1.447.817.259
3.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận			2.307.472.603	1.447.817.259
3.3. Các khoản phải thu khác	137		-	-
TỔNG TÀI SẢN	100		68.747.880.231	64.668.739.305
II. Nợ phải trả				
3. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	313		333.524	119.039
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		323.173	113.011
6. Chi phí phải trả	316	12	24.794.520	43.200.000
7. Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	317		258.590.022	23.279.619
8. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	318		-	15.016.312
9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	319	13	66.923.529	84.107.174
10. Phải trả, phải nộp khác	320		54.000.000	108.000.000
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	300		404.964.768	273.835.155
III. Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở	400		68.342.915.463	64.394.904.150
1. Vốn góp của Nhà đầu tư	411	14	46.779.499.200	45.292.991.900
1.1 Vốn góp phát hành	412		313.450.625.700	311.237.264.100
1.2 Vốn góp mua lại	413		(266.671.126.500)	(265.944.272.200)
2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414		(10.497.808.583)	(11.157.756.804)
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420	15	32.061.224.846	30.259.669.054
IV. Giá trị tài sản ròng quỹ mở trên một đơn vị chứng chỉ quỹ	430	16	14.609,58	14.217,41
V. Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	440		-	-

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

B02-QM

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Đơn vị tính: Chứng chỉ quỹ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
4. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	18	4.677.949,92	4.529.299,19

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán**Ông Trần Mạnh Tiến**
Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ**
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	64.394.904.150	58.148.939.199
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	1.801.555.792	1.731.977.296
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	1.801.555.792	1.731.977.296
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	2.146.455.521	1.533.233.109
1	Khoản thu từ việc phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu	-	-
2	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	3.195.941.593	1.911.085.985
3	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(1.049.486.072)	(377.852.876)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ mở cuối kỳ	68.342.915.463	61.414.149.604

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán

Ông Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán



Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày cuối kỳ (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ (%)
I	TRÁI PHIẾU				
1	Trái phiếu niêm yết TN1122016	-	-	-	-
2	Trái phiếu chưa niêm yết VDSH2425004	62	100.000.000	6.200.000.000	9,02%
	Tổng cộng	62		6.200.000.000	9,02%
II	CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC				
1	Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng				
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu lãi trái phiếu	-	-	30.643.288	0,04%
2	Phải thu lãi tiền gửi	-	-	2.276.829.315	3,31%
3	Phải thu khác	-	-	-	-
	Tổng cộng			2.307.472.603	3,35%
IV	TIỀN				
1	Tiền gửi không kỳ hạn	-	-	840.407.628	1,23%
2	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	1.700.000.000	2,47%
4	Giấy tờ có giá	-	-	57.700.000.000	83,93%
	Tổng cộng			60.240.407.628	87,63%
V	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			68.747.880.231	100,00%

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025



Bà Lê Thị Thúy
Kế toán



Ông Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán




Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Lợi nhuận trước Thuế thu nhập doanh nghiệp	01		1.801.555.792	1.731.977.296
2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư (- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	02		15.027.396	14.583.626
(+) Chi phí trích trước	03		33.432.876	(16.435.959)
3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05		(18.405.480)	31.019.585
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư			1.816.583.188	1.746.560.922
Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư	06		(2.999.984.931)	6.998.750.654
Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư	07		-	(10.000.000.000)
(Giảm)/tăng các khoản phải thu khác	08		(859.655.344)	(396.238.903)
(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	11		-	-
(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		214.485	37.370
Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14		210.162	46.877
Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	15		235.310.403	30.556.000
Tăng phải trả, phải nộp khác	16		(15.016.312)	-
(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	17		(54.000.000)	(61.666.665)
			(17.183.645)	2.554.140
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư	19		(1.893.521.994)	(1.679.399.605)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	31		3.195.941.593	1.911.085.985
2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	32		(1.049.486.072)	(377.852.876)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	30		2.146.455.521	1.533.233.109

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B05-QM

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
III. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	40		252.933.527	(146.166.496)
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50		587.474.101	501.179.585
V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	55	10	840.407.628	355.013.089
1. Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	56		840.407.628	355.013.089
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở	57		581.817.606	316.442.089
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	58		258.590.022	38.571.000
VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ	60		252.933.527	(146.166.496)

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán**Ông Trần Mạnh Tiến**
Phụ trách kế toán**Bà Phan Hải Sâm**
Phó Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (sau đây gọi là “Quỹ”) được thành lập ngày 06 tháng 9 năm 2017 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ số 32/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 7 tháng 7 năm 2017. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 27/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 06 tháng 9 năm 2017, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được ban hành, sửa đổi, bổ sung ngày 16/5/2024 và đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam được quản lý bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 46/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 21 tháng 6 năm 2024.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát của Quỹ trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 66.000.000.000 đồng, tương đương với 6.600.000 Chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 46.779.499.200 đồng, tương đương với 4.677.949,92 Chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Định giá và giao dịch Chứng chỉ quỹ

Ngày định giá là ngày Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Ngày định giá là ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của kỳ báo cáo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi hoặc chuyển nhượng Chứng chỉ quỹ một tuần hai lần vào ngày thứ Ba và ngày thứ Năm hàng tuần (“Ngày giao dịch”). Nếu ngày thứ Ba hoặc ngày thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba (hoặc ngày thứ Năm) thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang thứ Năm sau đó (hoặc ngày thứ Ba sau đó). Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hạn chế đầu tư

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam sẽ tuân theo các hạn chế đầu tư sau đây:

- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và tiền gửi các ngân hàng thương mại, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm tiền gửi các ngân hàng thương mại; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ; phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- ▶ Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ VTBF;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - + Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - + Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - + Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư nhưng chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ

- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định về hạn chế đầu tư;
- Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

3.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ;
2. Báo cáo tình hình tài giữa niên độ;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký chung.

3.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và không niêm yết, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi có thời hạn gốc trên ba (03) tháng.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “Dự thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay định giá như sau:

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;
- ▶ Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng), giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác được định giá như sau:

Giá niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo:

- Hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu;
 - Hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
- ▶ Đối với trái phiếu niêm yết được định giá như sau:

Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, hoặc lãi suất chiết khấu (đối với trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) hoặc giá thị trường của trái phiếu biến động ngoài Giới hạn chênh lệch (*), thì giá trái phiếu là một trong các mức giá sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ▶ Đối với trái phiếu không niêm yết được định giá như sau:
- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cưỡng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
 - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ▶ Đối với Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được định giá như sau:

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(*) Giới hạn chênh lệch:

- *Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương*: giới hạn chênh lệch được hiểu là lãi suất chiết khấu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 0,5% trở lên so với lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA (lãi suất này được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính) (đối với trái phiếu Chính phủ) và biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu Chính phủ được bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) so với lãi suất chiết khấu của kỳ định giá gần nhất.
- *Trái phiếu doanh nghiệp*: giới hạn chênh lệch được hiểu là biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với Trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất.

4.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

4.5 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn

Mức trích dự phòng

Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4.6 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

Các Chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích, Quỹ phát sinh một số chi phí, trong đó tổng phí dịch vụ quản lý quỹ, phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa không quá 2% NAV/năm:

Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1% được tính trên tổng giá trị tài sản ròng/năm và tối đa không quá 2% giá trị tài sản ròng/năm và được trả sau hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = $(x\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$

Trong đó:

- $x\%$: 1%
- NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng giám sát

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng giám sát là 0,11% (được tính trên Giá trị tài sản ròng/năm và tối thiểu là 35 triệu/tháng với NAV từ 150 tỉ đồng trở lên và được trả cho Ngân hàng giám sát theo thời hạn và phương thức quy định cụ thể tại Hợp đồng giám sát, Hợp đồng quản trị quỹ để thực hiện các dịch vụ giám sát, lưu ký và dịch vụ quản trị cho quỹ.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) phải trả được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ giám sát $= (y\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$

Trong đó:

- $y\%$: 0,02%
- NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá dịch vụ lưu ký $= (z\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$

Trong đó:

- $z\%$: 0,06%

NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ $= (z\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ}) / 365$

Trong đó:

- $z\%$: 0,03%
- NAV: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là các loại phí phải trả cho đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm phí cố định hàng tháng là 11.000.000 VND một tháng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa bằng 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thực hiện dịch vụ.

Phí quản lý thường niên phải trả cho UBCKNN

Phí quản lý thường niên bằng 50% mức thu quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28/4/2022.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

b. Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Trái tức nhận được	414.110.652	618.465.740
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	685.266	2.368.550
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	21.286.029	141.002.739
Lãi chứng chỉ tiền gửi	1.914.233.973	1.435.144.508
Cộng	2.350.315.920	2.196.981.537

6. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư trong 06 tháng đầu năm 2025 VND
Trái phiếu niêm yết	10.000.000.000	10.000.015.069	(15.069)
Cộng	10.000.000.000	10.000.015.069	(15.069)

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí môi giới, xử lý giao dịch mua cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	-	-
Chi phí môi giới giao dịch bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	-	300.000
Chi phí lưu ký xử lý hồ sơ mua, bán chứng khoán	400.000	-
Cộng	400.000	300.000

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Phí quản lý quỹ mở	328.564.809	299.551.053
Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở (*)	19.758.289	18.082.264
Phí dịch vụ giám sát	7.228.425	6.590.123
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	10.842.640	9.885.186
Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng	67.100.000	67.100.000
Chi phí kiểm toán	19.835.609	26.046.904
Chi phí hoạt động khác	61.582.411	55.134.016
Trong đó:		
- <i>Phí ngân hàng</i>	<i>2.623.500</i>	<i>3.828.000</i>
- <i>Phí quản lý thường niên của UBCKNN</i>	<i>4.958.911</i>	<i>4.972.681</i>
- <i>Chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ</i>	<i>54.000.000</i>	<i>46.333.335</i>
Cộng	514.912.183	482.389.546

(*): *Chi tiết phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở*

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Ngân hàng giám sát	19.713.889	17.973.064
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Đại lý chuyên nhượng	44.400	109.200
Cộng	19.758.289	18.082.264

9. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	581.817.606	121.694.482
- <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành</i>	<i>581.817.606</i>	<i>121.694.482</i>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng	-	300.000.000
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ, trong đó:	258.590.022	165.779.619
- <i>Tiền gửi của nhà đầu tư từ đại lý phân phối</i>	<i>258.590.022</i>	<i>165.779.619</i>
Cộng	840.407.628	587.474.101

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

STT		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
1	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
2	Trái phiếu chưa niêm yết	6.200.000.000	6.200.000.000	-	-	6.200.000.000
3	Chứng chỉ tiền gửi (*)	57.700.000.000	57.700.000.000	-	-	57.700.000.000
4	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-	1.700.000.000
	Tổng cộng	65.600.000.000	65.600.000.000	-	-	65.600.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

STT		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
1	Trái phiếu niêm yết	10.000.015.069	10.033.447.945	33.432.876	-	10.033.447.945
2	Trái phiếu chưa niêm yết	6.200.000.000	6.200.000.000	-	-	6.200.000.000
3	Chứng chỉ tiền gửi (*)	46.000.000.000	46.000.000.000	-	-	46.000.000.000
4	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000
	Tổng cộng	62.600.015.069	62.633.447.945	33.432.876	-	62.633.447.945

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>30 tháng 6 năm 2025</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>31 tháng 12 năm 2024</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>
Chứng chỉ tiền gửi mã Mcredit-004 phát hành ngày 21/03/2025, đáo hạn ngày 23/03/2026	10.000.000.000	12 tháng	6,20%	Chứng chỉ tiền gửi FE Credit phát hành 25/12/2024, đáo hạn 25/12/2025	3.800.000.000	12 tháng	7,30%
Chứng chỉ tiền gửi mã EVNFC20250321 phát hành ngày 21/03/2025, đáo hạn ngày 23/03/2026	1.000.000.000	12 tháng	7,00%				
Chứng chỉ tiền gửi mã CCTG2025.01.39 phát hành ngày 16/04/2025, đáo hạn ngày 16/04/2026	9.000.000.000	12 tháng	7,30%				
	<u>57.700.000.000</u>				<u>46.000.000.000</u>		

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Dự thu lãi trái phiếu	30.643.288	271.707.397
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.094.795	3.566.849
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	2.264.734.520	1.172.543.013
Cộng	2.307.472.603	1.447.817.259

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải trả phí kiểm toán	19.835.609	43.200.000
Phải trả phí quản lý thường niên UBCKNN	4.958.911	-
Cộng	24.794.520	43.200.000

13. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải trả phí quản lý	55.923.529	54.485.153
Phải trả phí lưu ký	-	9.786.786
Phải trả phí giám sát	-	3.534.094
Phải trả phí quản trị	-	5.301.141
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả phí khác	-	-
Cộng	66.923.529	84.107.174

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Vốn góp của Nhà đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ	Tại ngày 30/6/2025
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	31.123.726,41	221.336,16	31.345.062,57
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	311.237.264.100	2.213.361.600	313.450.625.700
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	33.359.967.119	982.579.993	34.342.547.112
Tổng giá trị phát hành				
Chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	344.597.231.219	3.195.941.593	347.793.172.812
NAV bình quân (5) = (4)/(1)	VND/CCQ	11.071,85		11.095,63
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	26.594.427,22	72.685,43	26.667.112,65
Giá trị ghi theo mệnh giá (7)	VND	265.944.272.200	726.854.300	266.671.126.500
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (8)	VND	44.517.723.923	322.631.772,00	44.840.355.695
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ (9) = (7) + (8)	VND	310.461.996.123	1.049.486.072	311.511.482.195
NAV bình quân (10) = (9)/(6)	VND/CCQ	11.673,95		11.681,49
Số lượng Chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)	CCQ	4.529.299,19	148.650,73	4.677.949,92
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (4) - (9)	VND	34.135.235.096	2.146.455.521	36.281.690.617
Lợi nhuận chưa phân phối (13)	VND	30.259.669.054	1.801.555.792	32.061.224.846
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	64.394.904.150	3.948.011.313	68.342.915.463
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	14.217,41		14.609,58

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTIM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn góp của Nhà đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2023	Phát sinh trong năm	Tại ngày 31/12/2024
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	30.817.858,40	305.868,01	31.123.726,41
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	308.178.584.000	3.058.680.100	311.237.264.100
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	32.193.581.234	1.166.385.885	33.359.967.119
Tổng giá trị phát hành	VND	340.372.165.234	4.225.065.985	344.597.231.219
Chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3)				
NAV bình quân (5) = (4)/(1)	VND/CCQ	11.044,64		11.071,85
Vốn góp mua lại				
Số lượng (6)	CCQ	26.483.549,27	110.877,95	26.594.427,22
Giá trị ghi theo mệnh giá (7)	VND	264.835.492.700	1.108.779.500	265.944.272.200
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (8)	VND	44.081.146.795	436.577.128	44.517.723.923
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ (9) = (7) + (8)	VND	308.916.639.495	1.545.356.628	310.461.996.123
NAV bình quân (10) = (9)/(6)	VND/CCQ	11.664,47		11.673,95
Số lượng chứng chỉ Quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)				
	CCQ	4.334.309,13	194.990,06	4.529.299,19
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (4) - (9)				
	VND	31.455.525.739	2.679.709.357	34.135.235.096
Lợi nhuận chưa phân phối (13)				
	VND	26.693.413.460	3.566.255.594	30.259.669.054
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)				
	VND	58.148.939.199	6.245.964.951	64.394.904.150
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ (15) = (14)/(11)				
	VND/CCQ	13.415,96		14.217,41

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAMTầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	06 tháng đầu năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	30.259.669.054	26.693.413.460
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối trong năm	1.801.555.792	3.566.255.594
Lợi nhuận đã thực hiện	1.834.988.668	3.516.388.128
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	(33.432.876)	49.867.466
Tổng cộng	32.061.224.846	30.259.669.054

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ

06 tháng đầu năm 2025					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
1	31-12-24	64.394.904.150	4.529.299,19	14.217,41	-
2	01-01-25	64.405.437.230	4.529.299,19	14.219,73	2,32
3	06-01-25	64.462.348.076	4.529.875,10	14.230,49	10,76
4	08-01-25	64.364.824.234	4.521.541,34	14.235,15	4,66
5	13-01-25	64.385.305.315	4.521.359,17	14.240,25	5,10
6	15-01-25	64.507.496.917	4.523.358,34	14.260,97	20,72
7	20-01-25	64.608.357.504	4.526.731,15	14.272,62	11,65
8	22-01-25	64.675.458.002	4.529.954,07	14.277,28	4,66
9	27-01-25	64.729.243.367	4.530.024,11	14.288,94	11,66
10	29-01-25	64.750.339.288	4.530.024,11	14.293,59	4,65
11	31-01-25	64.698.843.727	4.530.024,11	14.282,22	(11,37)
12	03-02-25	64.730.010.689	4.530.024,11	14.289,10	6,88
13	05-02-25	64.796.710.150	4.533.273,15	14.293,58	4,48
14	10-02-25	64.856.510.480	4.533.797,66	14.305,11	11,53
15	12-02-25	65.173.721.307	4.554.511,11	14.309,70	4,59
16	17-02-25	65.312.657.482	4.560.567,88	14.321,16	11,46
17	19-02-25	65.340.452.442	4.561.045,37	14.325,76	4,60
18	24-02-25	65.393.832.348	4.561.115,17	14.337,24	11,48
19	26-02-25	65.475.275.883	4.565.331,09	14.341,84	4,60
20	28-02-25	65.674.099.244	4.575.222,48	14.354,29	12,45
21	03-03-25	65.636.850.922	4.575.222,48	14.346,15	(8,14)
22	05-03-25	65.740.938.188	4.578.721,65	14.357,92	11,77
23	10-03-25	65.775.291.162	4.577.446,07	14.369,43	11,51
24	12-03-25	65.851.655.888	4.581.294,62	14.374,02	4,59
25	17-03-25	65.902.099.354	4.581.607,65	14.384,05	10,03
26	19-03-25	66.088.684.554	4.593.428,96	14.387,65	3,60
27	24-03-25	66.223.331.926	4.599.465,16	14.398,05	10,40

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**06 tháng đầu năm 2025**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
28	26-03-25	66.247.919.846	4.599.741,02	14.402,53	4,48
29	31-03-25	66.312.193.342	4.600.678,34	14.413,56	11,03
30	02-04-25	66.343.439.790	4.601.441,46	14.417,96	4,40
31	07-04-25	66.389.495.369	4.601.121,86	14.428,98	11,02
32	09-04-25	66.425.063.101	4.602.182,50	14.433,38	4,40
33	14-04-25	66.420.807.949	4.598.459,88	14.444,14	10,76
34	16-04-25	66.559.053.363	4.606.857,62	14.447,82	3,68
35	21-04-25	66.655.445.758	4.610.076,06	14.458,64	10,82
36	23-04-25	66.575.308.592	4.603.152,90	14.462,98	4,34
37	28-04-25	66.534.558.814	4.596.875,25	14.473,86	10,88
38	30-04-25	66.602.519.375	4.600.191,55	14.478,20	4,34
39	05-05-25	66.652.519.745	4.600.191,55	14.489,07	10,87
40	07-05-25	66.783.512.264	4.607.852,43	14.493,41	4,34
41	12-05-25	66.829.165.551	4.607.554,29	14.504,26	10,85
42	14-05-25	67.038.557.932	4.620.613,49	14.508,58	4,32
43	19-05-25	67.364.910.877	4.639.667,75	14.519,33	10,75
44	21-05-25	67.459.493.733	4.644.797,40	14.523,66	4,33
45	26-05-25	67.518.813.268	4.645.416,88	14.534,50	10,84
46	28-05-25	67.694.134.996	4.656.097,29	14.538,81	4,31
47	31-05-25	67.777.713.210	4.659.774,08	14.545,27	6,46
48	02-06-25	67.797.750.338	4.659.774,08	14.549,57	4,30
49	04-06-25	67.828.985.555	4.660.543,81	14.553,87	4,30
50	09-06-25	67.909.360.375	4.662.625,69	14.564,61	10,74
51	11-06-25	67.943.828.993	4.663.617,02	14.568,91	4,30
52	16-06-25	68.037.030.697	4.666.578,51	14.579,63	10,72
53	18-06-25	68.087.640.454	4.668.676,51	14.583,92	4,29
54	23-06-25	67.974.801.138	4.657.506,37	14.594,67	10,75
55	25-06-25	68.161.182.795	4.668.927,31	14.598,89	4,22
56	30-06-25	68.342.915.463	4.677.949,92	14.609,58	10,69

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 66.215.052.697

Biên độ thay đổi giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ

- ▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND) 20,72
- ▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 2,32

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ

- ▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND) 14.609,58
- ▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 14.219,73

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm 2024					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
1	31-12-2023	58.148.939.199	4.334.309,13	13.415,96	-
2	01-01-2024	58.159.125.259	4.334.309,13	13.418,31	2,35
3	03-01-2024	58.179.496.030	4.334.309,13	13.423,01	4,70
4	08-01-2024	58.241.412.682	4.335.128,59	13.434,76	11,75
5	10-01-2024	58.282.152.864	4.335.426,31	13.443,23	8,47
6	15-01-2024	58.333.640.358	4.335.463,50	13.454,99	11,76
7	17-01-2024	58.359.000.161	4.335.835,10	13.459,69	4,70
8	22-01-2024	58.409.891.076	4.335.835,10	13.471,42	11,73
9	24-01-2024	58.428.850.524	4.335.731,45	13.476,12	4,70
10	29-01-2024	59.587.354.110	4.417.357,31	13.489,36	13,24
11	31-01-2024	59.436.474.429	4.404.671,08	13.493,96	4,60
12	05-02-2024	59.485.613.025	4.404.521,35	13.505,57	11,61
13	07-02-2024	59.504.350.164	4.404.372,80	13.510,28	4,71
14	12-02-2024	59.556.199.659	4.404.372,80	13.522,06	11,78
15	14-02-2024	59.576.938.526	4.404.372,80	13.526,77	4,71
16	19-02-2024	59.627.419.238	4.404.272,41	13.538,54	11,77
17	21-02-2024	59.666.640.496	4.405.637,94	13.543,24	4,70
18	26-02-2024	59.725.566.018	4.406.154,79	13.555,03	11,79
19	28-02-2024	59.746.794.503	4.406.191,67	13.559,73	4,70
20	29-02-2024	59.753.879.952	4.405.951,15	13.562,08	2,35
21	04-03-2024	59.795.508.503	4.405.951,15	13.571,53	9,45
22	06-03-2024	59.795.169.805	4.404.392,50	13.576,25	4,72
23	11-03-2024	59.848.022.506	4.404.453,26	13.588,07	11,82
24	13-03-2024	59.901.440.534	4.406.853,09	13.592,79	4,72
25	18-03-2024	59.952.360.186	4.406.853,09	13.604,34	11,55
26	20-03-2024	59.988.713.761	4.407.521,60	13.610,53	6,19
27	25-03-2024	60.034.000.479	4.407.521,60	13.620,80	10,27
28	27-03-2024	60.084.451.021	4.409.210,15	13.627,03	6,23
29	31-03-2024	60.126.756.655	4.409.290,87	13.636,37	9,34
30	01-04-2024	60.137.041.062	4.409.290,87	13.638,71	2,34
31	03-04-2024	60.157.572.600	4.410.503,54	13.639,61	0,90
32	08-04-2024	60.210.647.213	4.410.231,30	13.652,49	12,88
33	10-04-2024	60.225.409.858	4.410.377,78	13.655,38	2,89
34	15-04-2024	60.227.440.344	4.410.609,10	13.655,12	(0,26)
35	17-04-2024	60.259.467.746	4.411.706,41	13.658,99	3,87
36	22-04-2024	60.337.422.431	4.411.706,41	13.676,66	17,67
37	24-04-2024	60.355.591.711	4.411.447,34	13.681,58	4,92

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm 2024					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
38	29-04-2024	60.374.150.458	4.411.186,72	13.686,60	5,02
39	30-04-2024	60.381.978.422	4.411.186,72	13.688,37	1,77
40	01-05-2024	60.389.845.652	4.411.186,72	13.690,15	1,78
41	06-05-2024	60.458.966.009	4.411.186,72	13.705,82	15,67
42	08-05-2024	60.685.949.042	4.431.384,78	13.694,57	(11,25)
43	13-05-2024	60.771.803.274	4.430.977,02	13.715,21	20,64
44	15-05-2024	60.889.732.611	4.438.035,13	13.719,97	4,76
45	20-05-2024	60.900.916.535	4.438.478,97	13.721,12	1,15
46	22-05-2024	60.917.504.945	4.438.588,29	13.724,52	3,40
47	27-05-2024	60.939.424.708	4.436.807,69	13.734,97	10,45
48	29-05-2024	60.955.603.571	4.437.059,66	13.737,83	2,86
49	31-05-2024	61.006.750.614	4.437.526,34	13.747,91	10,08
50	03-06-2024	61.034.337.972	4.437.526,34	13.754,13	6,22
51	05-06-2024	61.045.876.613	4.436.591,40	13.759,63	5,50
52	10-06-2024	61.082.264.625	4.436.329,69	13.768,64	9,01
53	12-06-2024	61.125.648.188	4.437.623,08	13.774,41	5,77
54	17-06-2024	61.179.303.550	4.438.182,00	13.784,76	10,35
55	19-06-2024	61.174.168.373	4.439.096,01	13.780,77	(3,99)
56	24-06-2024	61.270.386.383	4.440.752,85	13.797,29	16,52
57	26-06-2024	61.379.195.458	4.447.349,80	13.801,29	4,00
58	30-06-2024	61.414.149.604	4.447.349,80	13.809,15	7,86
59	01-07-2024	61.425.608.368	4.447.349,80	13.811,73	2,58
60	03-07-2024	61.488.250.182	4.450.377,94	13.816,41	4,68
61	08-07-2024	61.485.417.742	4.451.745,81	13.811,52	(4,89)
62	10-07-2024	61.438.638.586	4.451.888,69	13.800,57	(10,95)
63	15-07-2024	61.583.244.785	4.453.627,73	13.827,65	27,08
64	17-07-2024	61.653.331.822	4.461.525,98	13.818,88	(8,77)
65	22-07-2024	61.811.105.660	4.463.660,73	13.847,62	28,74
66	24-07-2024	61.884.659.387	4.469.690,60	13.845,40	(2,22)
67	29-07-2024	61.912.283.364	4.469.871,15	13.851,02	5,62
68	31-07-2024	62.065.574.120	4.470.520,88	13.883,29	32,27
69	05-08-2024	61.992.801.803	4.470.953,04	13.865,67	(17,62)
70	07-08-2024	61.997.295.966	4.471.854,28	13.863,89	(1,78)
71	12-08-2024	62.093.249.761	4.467.864,14	13.897,74	33,85
72	14-08-2024	62.228.306.136	4.472.425,94	13.913,77	16,03
73	19-08-2024	62.231.768.059	4.474.301,71	13.908,71	(5,06)
74	21-08-2024	62.226.670.322	4.474.045,54	13.908,36	(0,35)
75	26-08-2024	62.255.447.261	4.473.858,41	13.915,38	7,02

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm 2024					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
76	28-08-2024	62.330.555.403	4.474.565,66	13.929,96	14,58
77	31-08-2024	62.400.017.818	4.482.304,37	13.921,41	(8,55)
78	02-09-2024	62.421.187.148	4.482.304,37	13.926,13	4,72
79	04-09-2024	62.463.896.336	4.482.304,37	13.935,66	9,53
80	09-09-2024	62.588.439.901	4.483.505,62	13.959,71	24,05
81	11-09-2024	62.608.749.636	4.483.444,77	13.964,42	4,71
82	16-09-2024	62.750.399.106	4.484.828,88	13.991,70	27,28
83	18-09-2024	62.772.857.092	4.493.204,11	13.970,62	(21,08)
84	23-09-2024	62.953.576.437	4.497.792,29	13.996,55	25,93
85	25-09-2024	63.090.979.451	4.506.135,86	14.001,12	4,57
86	30-09-2024	63.052.394.205	4.499.635,81	14.012,77	11,65
87	02-10-2024	63.082.800.751	4.499.713,97	14.019,29	6,52
88	07-10-2024	63.084.429.493	4.500.245,81	14.017,99	(1,30)
89	09-10-2024	63.120.095.036	4.502.099,88	14.020,14	2,15
90	14-10-2024	63.178.945.004	4.497.343,53	14.048,05	27,91
91	16-10-2024	63.221.059.697	4.499.094,20	14.051,95	3,90
92	21-10-2024	63.174.100.484	4.494.670,04	14.055,33	3,38
93	23-10-2024	63.256.150.717	4.495.837,54	14.069,93	14,60
94	28-10-2024	63.456.735.349	4.505.100,83	14.085,53	15,60
95	30-10-2024	63.378.578.014	4.505.342,65	14.067,42	(18,11)
96	31-10-2024	63.407.522.715	4.506.582,32	14.069,97	2,55
97	04-11-2024	63.536.500.580	4.506.582,32	14.098,59	28,62
98	06-11-2024	63.998.405.458	4.538.819,11	14.100,23	1,64
99	11-11-2024	63.992.819.700	4.538.722,48	14.099,30	(0,93)
100	13-11-2024	63.801.811.135	4.516.000,59	14.127,94	28,64
101	18-11-2024	63.648.040.925	4.509.149,94	14.115,30	(12,64)
102	20-11-2024	63.786.174.008	4.510.565,16	14.141,50	26,20
103	25-11-2024	63.880.036.048	4.512.474,42	14.156,32	14,82
104	27-11-2024	63.823.025.351	4.514.063,75	14.138,70	(17,62)
105	30-11-2024	63.882.967.821	4.516.255,91	14.145,11	6,41
106	02-12-2024	63.839.458.541	4.516.255,91	14.135,48	(9,63)
107	04-12-2024	63.861.349.451	4.516.289,44	14.140,22	4,74
108	09-12-2024	64.160.949.412	4.517.354,04	14.203,21	62,99
109	11-12-2024	64.127.175.146	4.515.886,06	14.200,35	(2,86)
110	16-12-2024	64.125.261.268	4.516.273,37	14.198,71	(1,64)
111	18-12-2024	64.145.154.886	4.519.005,53	14.194,52	(4,19)
112	23-12-2024	64.206.875.724	4.520.097,46	14.204,75	10,23
113	25-12-2024	64.189.954.918	4.521.658,21	14.196,10	(8,65)

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Năm 2024**

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ quỹ VND
114	30-12-2024	64.256.865.093	4.520.333,31	14.215,07	18,97
115	31-12-2024	64.394.904.150	4.529.299,19	14.217,41	2,34

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 61.509.654.604

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 62,99
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) (21,08)

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm

- ▶ Mức cao nhất trong năm (VND) 14.217,41
- ▶ Mức thấp nhất trong năm (VND) 13.418,31

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 4.677.949,92 Chứng chỉ quỹ.

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch phát sinh trong 06 tháng đầu năm 2025 như sau:

			Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	328.564.809
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Lãi tiền gửi ngân hàng Phí giám sát Phí lưu ký Phí dịch vụ quản trị Quỹ	21.971.295 7.228.425 19.713.889 10.842.640
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	54.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTMM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số đầu năm VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Số cuối kỳ VND
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý phải trả	54.485.153	328.564.809	(327.126.433)	55.923.529
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ Phí lưu ký phải trả Phí giám sát phải trả Phí dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	121.694.482 165.779.619 9.638.436 3.534.094 5.301.141	26.129.102.169 3.508.872.095 19.713.889 7.228.425 10.842.640	(25.668.979.045) (3.416.061.692) (29.352.325) (10.762.519) (16.143.781)	581.817.606 258.590.022 - - -
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	108.000.000	54.000.000	(108.000.000)	54.000.000

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Đại diện Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ trong 06 tháng đầu năm 2025, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá trái phiếu

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư, Quỹ quản lý giá rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ đều được Chính phủ bảo lãnh hoặc là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	333.524	-	-	-	333.524
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	323.173	-	-	-	323.173
Chi phí phải trả	-	24.794.520	-	-	-	24.794.520
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	-	258.590.022	-	-	-	258.590.022
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	-	66.923.529	-	-	-	66.923.529
Phải trả, phải nộp khác	-	54.000.000	-	-	-	54.000.000
Cộng	-	404.964.768	-	-	-	404.964.768
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	119.039	-	-	-	119.039
Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	113.011	-	-	-	113.011
Chi phí phải trả	-	43.200.000	-	-	-	43.200.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	-	23.279.619	-	-	-	23.279.619
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	-	15.016.312	-	-	-	15.016.312
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	-	84.107.174	-	-	-	84.107.174
Phải trả, phải nộp khác	-	108.000.000	-	-	-	108.000.000
Cộng	-	273.835.155	-	-	-	273.835.155

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT**

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,00%	1,00%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,08%	0,08%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,24%	0,26%
4	Chi phí kiểm toán/soát xét trả cho tổ chức kiểm toán/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,06%	0,09%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,19%	0,18%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động x 365 x 100%/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)	1,57%	1,61%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 365 x 100%/2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)	32,28%	10,41%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm		
	Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	45.292.991.900	43.343.091.300
	Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	4.529.299,19	4.334.309,13
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ	1.486.507.300	1.130.406.700
	Số lượng Chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	221.336,16	140.854,07
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	2.213.361.600	1.408.540.700
	Số lượng Chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(72.685,43)	(27.813,40)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(726.854.300)	(278.134.000)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ		
	Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	46.779.499.200	44.473.498.000
	Tổng số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	4.677.949,92	4.447.349,80
4	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	89,32%	93,95%
5	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	94,83%	99,10%
6	Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,47%	0,5%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	692	174
8	Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ cuối kỳ	14.609,58	13.809,15

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Tòa nhà TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội B06-QM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Bà Lê Thị Thúy
Kế toán

Ông Trần Mạnh Tiến
Phụ trách kế toán



Bà Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

CHỖ
CHỮ
H

